

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

*Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2020 về việc "Ly hôn".*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hữu Hiền.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Phú và bà Cao Thị Cúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị D, sinh năm 1983; HKTT: Thôn Châm Khê, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở hiện nay: Thôn Bát Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1982; HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Châm Khê, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2020, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, chị Ma Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn Th vào ngày 22/01/2009. Trước khi kết hôn chị và anh Th có tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Cư, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Th sống tại Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do quan điểm sống giữa chị và anh Th không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống, anh Th không chịu khó làm ăn, ham chơi cờ bạc và gà chọi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Chị D nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung giữa chị và anh Th không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và trầm trọng. Đến ngày 29/6/2020 chị D đã làm đơn ra tòa xin ly hôn anh Th vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 29/6/2020.

Vợ chồng có 01 con chung là Lê Minh Tân, sinh ngày 13/5/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị D và con ở với nhau ly hôn chị xin nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Lê Văn Th xác nhận lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn, chung sống cùng nhau. Theo anh Th nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống mỗi người một ý không có tiếng nói chung anh thừa nhận có chơi bời nhưng hiện đã bỏ và đi làm lái xe cho công ty. Tháng 6 năm 2020 chị D làm đơn xin ly hôn anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không muốn ly hôn nhưng tại buổi làm việc ngày 03/9/2020 sau nhiều lần đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng với nhau và đề nghị cô D rút đơn về đoàn tụ nhưng không có kết quả nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung như chị D trình bày là đúng khi cô D chuyển ra ngoài ở thì có mang con chung là cháu Lê Minh Tân, sinh ngày 13/5/2010 đi cùng nhưng anh đã đón cháu về ở cùng, khi ly hôn anh xin nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Th. Vợ chồng có 01 con chung là Lê Minh Tân, sinh ngày 13/5/2010. Hiện con chung anh Th đã đón cháu về nhà anh Th, ly hôn chị xin nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Th trình bày tại phiên tòa: Việc chị D xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh xin nuôi con chung là cháu Lê Minh Tân, sinh ngày 13/5/2010, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cả Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng những qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 55, 58, 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị D về việc xin ly hôn anh Lê văn Th. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị Danh và anh Lê văn Th.

Về con chung: Giao con chung là Lê Minh Tân, sinh ngày 13/5/2010 cho chị D nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Ma Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Ma Thị D và các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “Ly hôn”. Bị đơn trong vụ án là anh Lê Văn Th có địa chỉ ở thôn Châm Khê, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị D và anh Lê văn Th kết hôn với nhau ngày 21/01/2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Cư, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kan. Như vậy chị D, anh Th đã tuân thủ đầy đủ các quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do do cách sống, nhận thức về quan điểm sống của hai vợ chồng không có tiếng nói chung anh Th ham chơi cờ bạc không chịu khó làm ăn nên không ai quan tâm đến ai. Tháng 6 năm 2020 chị D làm đơn xin ly hôn anh Th, thời gian đầu anh không đồng ý nhưng sau đó anh Th đồng ý.

Xét mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh Th đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị D xin ly hôn anh Th là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Th. Anh Th có mặt tại phiên tòa anh Th thừa nhận giữa anh và chị D có bất đồng quan điểm sống, ham chơi, không quan tâm đến vợ con nhưng hiện anh đã bỏ không chơi cờ bạc nữa. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Minh Tân, sinh ngày 13/5/2010. Khi chuyển ra sống ly thân chị D đã mang con đi ra ở cùng, nhưng anh Th mới đón về không cho chị đón con. Tại phiên Tòa hôm nay chị D, anh Th đều

có nguyện vọng nuôi con chung. Tại biên bản ghi lời khai thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ, hơn nữa chị D có công việc và thu nhập ổn định. Nên khi ly hôn giao con chung cho chị D nuôi dưỡng là hợp lý. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về công nợ, công sức đóng góp: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ma Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 146, 147, 204, 220, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị D về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị D và anh Lê Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Minh Tân, sinh ngày 13/5/2010 cho chị D nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ma Thị D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0000394 ngày 06/07/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS thành phố Bắc Ninh;
- UBND xã Yên Cư, Chợ Mới, Bắc Kan;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hữu Hiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Đức Phú Cao Thị Cúc

Tạ Hữu Hiền

